TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN N** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 825/2022/DS-ST
Ngày: 28/9/2022
V/v "tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Kim Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hải.

2. Bà Nguyễn Thị Huỳnh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Mai Ánh Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 296/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 202/2022/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP

Trụ sở: Số A, đường Q, phường T, quận K, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Bùi Q.T, sinh năm 1997 (Có mặt)

2. Ông Nguyễn N.T, sinh năm 1990;

3. Ông Lê Vĩnh K, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: Số E, đường S, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số 1402/UQ-PVB ngày 16/3/2021)

Bị đơn: Bà Trần Thị V (Trần Thị V.V), sinh năm 1959

Địa chỉ: Đường D, Phường H, quận L, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo ủy quyền ông Thái Trần B, sinh năm 1985 (Có mặt)

Địa chỉ: Số R. đường S, phường P, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Hợp đồng ủy quyền số 003628, quyển số 05/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/5/2022 tại Văn phòng công chứng Dương Đức Hiếu; giấy ủy quyền ngày 09/5/2022)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 3 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Bùi Q.T (viết tắt là ông Q.T) đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP trình bày:

Bà Trần Thị V (Trần Thị V.V) (viết tắt bà V) cùng Ngân hàng TMCP – Chi nhánh Phú Nhuận (viết tắt là Ngân hàng Đ) đã cùng ký kết Hợp đồng cho vay số 3706/2017/HĐTD/PVB-CN.PN ngày 22/06/2017 (viết tắt Hợp đồng cho vay) và khế ước nhận nợ, ủy nhiệm chi ngày 23/6/2017, cụ thể như sau: số tiền vay 5.200.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu, vay tiền để mua bất động sản, lãi suất theo thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay.

Để bảo đảm cho khoản vay nêu trên, bà V đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 3706/2017/HĐBĐ/PVB-CN.PN ngày 22/6/2017 để thế chấp tài sản là nhà đất tại số Đường D, Phường H, quận L, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 70127075819, hồ sơ gốc số: 6861/2000 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/6/2000, cập nhật thay đổi chủ sở hữu/sử dụng ngày 01/10/2003 cho bà Trần Thị V, điều chỉnh tên của chủ sở hữu ngày 02/02/2012 Trần Thị V (Trần Thị V.V).

Tài sản bảo đảm trên đã được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận L, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 22/6/2017.

Tính đến ngày 28/09/2022, bà V đã trả được 1.896.386.650 đồng, trong đó trả nợ gốc 300.000.000 đồng, trả nợ lãi 1.596.386.650 đồng *(Thời điểm trả nợ cuối cùng của bà Trần Thị V là vào ngày 24/2/2020).*

Dư nợ khoản vay bà Trần Thị V tính đến ngày 28/09/2022 (theo bảng kê tính lãi chi tiết) như sau:

- Gốc : 4.900.000.000 đồng
- Lãi trong hạn : 1.448.572.404 đồng
- Lãi quá hạn : 305.525.183 đồng
- Lãi phạt : 376.010.992 đồng

Tổng cộng : 7.030.108.579 đồng (Bằng chữ: bảy tỷ không trăm ba mươi triệu một trăm lẻ tám nghìn năm trăm bảy mươi chín) đồng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng cho vay, khế ước nhận nợ, bà V đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết, nguyên đơn đã gửi Thông báo số 2082/TB-PVB ngày 15/5/2020 về việc thu hồi nợ trước hạn đối với khoản vay của bà V.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, nguyên đơn đề nghị Tòa án:

1/ Buộc bà Trần Thị V (Trần Thị V.V) thanh toán cho Ngân hàng TMCP số tiền: 7.030.108.579 đồng, bao gồm 4.900.000.000 đồng nợ gốc và 2.130.108.579 đồng nợ lãi (tạm tính đến ngày 28/09/2022);

2/ Buộc bà Trần Thị V (Trần Thị V.V) thanh toán phần nợ lãi phát sinh tính theo lãi suất quá hạn được thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 13706/2017/HĐTD/PVB-CN.PN ngày 23/06/2017 kể từ ngày 29/09/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ;

3/ Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Trần Thị V (Trần Thị V.V) không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi quá hạn phát sinh thì Ngân hàng TMCP có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền thi hành bản án, kê biên phát mãi tài sản bảo đảm là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ: Đường D, Phường H, quận L, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 70127075819 Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/6/2000, cập nhật thay đổi chủ sở hữu/sử dụng ngày 01/10/2003 thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu hợp pháp của bà Trần Thị V để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP;

4/ Số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà Trần Thị V (Trần Thị V.V) đối với Ngân hàng TMCP. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà Trần Thị V (Trần Thị V.V) vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP.

Ngày 06/6/2022 bà Trần Thị V (Trần Thị V.V) có đơn đề nghị về việc giảm mức lãi lãi nợ quá hạn, miễn lãi phạt. Do hậu quả của dịch bệnh Covid-19, ảnh hưởng đến cuộc sống, bà V đề nghị nguyên đơn xem xét không tính phần lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn của lãi quá hạn phát sinh trên nợ gốc chưa trả; miễn lãi quá hạn phát sinh trên lãi hợp đồng chưa trả.

Ông Q.T khẳng định các chứng cứ đã được giao nộp, tiếp cận, công khai trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài những chứng cứ trên, nguyên đơn không còn chứng cứ nào khác để cung cấp cho Toà án.

Tại phiên tòa:

Ông Q.T giữ nguyên yêu cầu đã trình bày.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị V (Trần Thị V.V) không có yêu cầu phản tố. Tòa án đã thực hiện việc cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà V vắng mặt, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ngày 09/5/2022 bà V mới ủy quyền. Ông Thái Trần B đại diện theo ủy quyền bà V đến Tòa nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử và tham gia phiên tòa.

Ông Thái Trần B trình bày: Đề nghị nguyên đơn xem xét miễn toàn bộ tiền lãi cho bị đơn. Theo đơn trình bày ngày 06/6/2022 bà V gửi cho nguyên đơn. Bà V đồng

ý trả số tiền gốc còn nợ, trả một lần trong hạn 06 tháng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về xác định quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự, Tòa án xác định có cơ sở theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Hợp đồng cho vay số 3706/2017/HĐTD/PVB-CN.PN ngày 22/06/2017 và khế ước nhận nợ, ủy nhiệm chi ngày 23/6/2017 được ký giữa bà V với Ngân hàng Đ, thể hiện bà V được Ngân hàng giải ngân số tiền 5.200.000.000 đồng, để bảo đảm cho khoản vay trên, bà V thế chấp nhà đất tại số Đường D, Phường H, quận L, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 70127075819 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/6/2000, cập nhật thay đổi chủ sở hữu/sử dụng ngày 01/10/2003 thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu hợp pháp của bà V.

Nay nguyên đơn yêu cầu bà V thanh toán số tiền tính đến ngày 28/9/2022, tổng cộng: 7.030.108,579 đồng, bao gồm 4.900.000.000 đồng nợ gốc; 2.130.108.579 đồng nợ lãi và khoản lãi phát sinh từ ngày 28/9/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Nếu bà V không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi quá hạn phát sinh thì Ngân hàng Đ có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền thi hành bản án, kê biên phát mãi tài sản bảo đảm.

Do bà V không thực hiện nghĩa vụ, xâm phạm đến lợi ích nguyên đơn, căn cứ Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 295, Điều 298, Điều 299, Điều 302, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ Hợp đồng cho vay số 3706/2017/HĐTD/PVB-CN.PN ngày 22/06/2017 và khế ước nhận nợ, ủy nhiệm chi ngày 23/6/2017 được ký giữa bà V với Ngân hàng Đ và các chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của đương

sự, có cơ sở xác định bà V có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền: căn cứ điểm H (giải quyết tranh chấp) của bản điều khoản và điều kiện cấp tín dụng Hợp đồng cho vay số 3706/2017/HĐTD/PVB-CN.PN ngày 22/06/2017, được ký giữa bà V và nguyên đơn thỏa thuận: Tòa án nơi có trụ sở của nguyên đơn (trụ sở chính hoặc trụ sở của phòng giao dịch hoặc chi nhánh đã ghi trong hợp đồng. Căn cứ hợp đồng: Ngân hàng TMCP – Chi nhánh Phú Nhuận, địa chỉ số C, đường L, Phường Y, quận N, thành phố Hồ Chí Minh.

Do đương sự thỏa thuận Tòa án nợi có trụ sở của nguyên đơn, nguyên đơn có trụ sở tại quận N nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm b, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Căn cứ Hợp đồng cho vay số 3706/2017/HĐTD/PVB-CN.PN ngày 22/06/2017 và khế ước nhận nợ, ủy nhiệm chi ngày 23/6/2017; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 3706/2017/HĐBĐ/PVB-CN.PN ngày 22/6/2017; đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận L, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 22/6/2017.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ hợp đồng cho vay số 3706/2017/HĐTD/PVB-CN.PN ngày 22/06/2017 và khế ước nhận nợ, ủy nhiệm chi ngày 23/6/2017 được ký giữa bà V với Ngân hàng Đ; căn cứ bảng kê tính lãi chi tiết đến ngày 28/9/2022, chứng cứ có trong hồ sơ, thể hiện bà V đã được giải ngân số tiền 5.200.000.000 đồng.

Trong quá trình vay, bà V đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.896.386.650 đồng, trong đó trả nợ gốc là 300.000.000 đồng, đã trả nợ lãi là 1.596.386.650 đồng.

Từ ngày 24/02/2020 bà V không tiếp tục thanh toán số nợ nên ngày 15/5/2020 nguyên đơn thông báo cho bà V về việc thu hồi nợ trước hạn đối với khoản vay của bà V.

Căn cứ Điều 2 của hợp đồng cho vay quy định về lãi suất và phí, do bà V vi phạm nghĩa vụ thanh toán, dù nguyên đơn đã thông báo nhiều lần cho bà V về khoản nợ vay, đến thời điểm xét xử bà V không trả khoản tiền nào cho nguyên đơn. Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà V phải trả số tiền là 7.030.108.579 đồng, bao gồm 4.900.000.000 đồng nợ gốc và 2.130.108.579 đồng nợ lãi (tạm tính đến ngày 28/09/2022); và khoản lãi phát sinh từ ngày 29/9/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng, có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Xét đơn đề nghị của bà V về việc giảm mức lãi nợ quá hạn, miễn lãi phạt, và trình bày của ông Bình về việc xin miễn toàn bộ tiền lãi, bà V đồng ý trả số tiền gốc một lần, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy: như đã phân tích trong mục [2.1], điều 2 của hợp đồng quy định về lãi suất và phí, bà V không cung

cấp chứng cứ chứng minh lý do xin miễn tiền lãi, và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn không đồng ý giảm, miễn tiền lãi nên Tòa không có cơ sở xem xét.

[2.3] Để bảo đảm khoản vay 5.200.000.000 đồng, bà V ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 3706/2017/HĐBĐ/PVB-CN.PN ngày 22/6/2017, thế chấp nhà đất tại số Đường D, Phường H, quận L, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 70127075819 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/6/2000, cập nhật thay đổi chủ sở hữu/sử dụng ngày 01/10/2003 thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu hợp pháp của bà Trần Thị V. Tài sản bảo đảm trên đã được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận L, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 22/6/2017 theo đúng quy định. Do đó, nếu bà V không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh thì Ngân hàng Đ có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền thi hành bản án, kê biên phát mãi tài sản bảo đảm.

[2.4] Số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà V đối với Ngân hàng Đ. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà V vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng Đ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về tố tụng và đề nghị về nội dung có cơ sở chấp nhận.

Án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn bà Trần Thị V (Trần Thị V.V) thuộc trường hợp người cao tuổi và bà V có đơn xin miễn án phí nên bà V được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 280; Điều 295, Điều 298, Điều 299, Điều 302, Điều 468, Điều 351 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 2 Luật người cao tuổi.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Trần Thị V (Trần Thị V.V) phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP số tiền: 7.030.108.579 (Bảy tỷ không trăm ba mươi triệu một tăm lẻ tám ngàn năm trăm bảy mươi chín) đồng, bao gồm 4.900.000.000 (Bốn tỷ chín trăm triệu) đồng nợ gốc và 2.130.108.579 (Hai tỷ một trăm ba mươi triệu một trăm lẻ tám ngàn năm trăm bảy mươi chín) đồng nợ lãi.

Kể từ ngày 29/9/2022, bà Trần Thị V (Trần Thị V.V) còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo Hợp đồng cho vay số 3706/2017/HĐTD/PVB-CN.PN ngày 22/06/2017.

Thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp trong Hợp đồng cho vay số 3706/2017/HĐTD/PVB-CN.PN ngày 22/06/2017, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP thì lãi suất mà bà Trần Thị V (Trần Thị V.V) phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP.

Ngay sau khi bà Trần Thị V (Trần Thị V.V) thanh toán đủ số tiền, Ngân hàng TMCP trả lại cho bà Trần Thị V (Trần Thị V.V) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn kiền với đất số 70127075819 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/6/2000, cập nhật thay đổi chủ sở hữu/sử dụng ngày 01/10/2003 thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu hợp pháp của bà Trần Thị V.

Trong trường hợp bà Trần Thị V (Trần Thị V.V) không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền thì Ngân hàng TMCP được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là nhà đất tại số Đường D, Phường H, quận L, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 70127075819 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/6/2000, cập nhật thay đổi chủ sở hữu/sử dụng ngày 01/10/2003 thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu hợp pháp của bà Trần Thị V, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 3706/2017/HĐBĐ/PVB-CN.PN ngày 22/6/2017, tại Phòng công chứng số 6, thành phố Hồ Chí Minh và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận L, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 22/6/2017.

Số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà Trần Thị V (Trần Thị V.V) đối với Ngân hàng TMCP. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà Trần Thị V (Trần Thị V.V) vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị V (Trần Thị V.V) được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.851.000 (Năm mươi sáu triệu tám trăm năm mươi một nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số

AA/2019/0019825 ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận N;
- CC THADS quận N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Kim Phụng